

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THẮNG LONG

# ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THẮNG LONG

Sửa đổi ngày 16 tháng 7 năm 2019 .

Lý do sửa đổi: Cập nhật quy định của pháp luật về quản trị Công ty



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Căn cứ pháp lý*

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/ ngày 12/06/2006;
- Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11.
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung Nghị định 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 86/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;
- Nghị định 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính;
- Thông tư 212/2012/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 05/12/2012 hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý quỹ;
- Các văn bản, pháp luật hướng dẫn có liên quan;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Quản lý quỹ Thăng Long số *23/2019* NQ-ĐHĐCĐ ngày *16* tháng *7* năm *2019*

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA**

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
  - a) “**Công ty**” có nghĩa là Công ty cổ phần quản lý quỹ Thăng Long.
  - b) “**Cổ đông**” có nghĩa là Cổ đông của Công ty có thể là pháp nhân hoặc cá nhân, sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành tại Công ty
  - c) “**Cổ đông sáng lập**” có nghĩa là các Cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
  - d) “**Chứng nhận thành lập và hoạt động sửa đổi**” có nghĩa là giấy chứng nhận thành lập và hoạt động sửa đổi được cơ quan cấp phép cấp cho Công ty.
  - e) “**Vốn điều lệ**” có nghĩa là số vốn do các cổ đông góp và được ghi vào điều lệ Công ty.
  - f) “**Vốn pháp định**” là số vốn tối thiểu theo quy định của Pháp luật về chứng khoán để thành lập Công ty và hoạt động.
  - g) “**Luật Chứng khoán**” có nghĩa là Luật chứng khoán đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11.
  - h) “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014..
  - i) “**Ngày thành lập**” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
  - j) “**Pháp luật**” là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 – Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
  - k) “**Người quản lý công ty**” có nghĩa là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty



- l) “**Những người liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 điều 6 Luật Chứng khoán.
  - m) “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
  - n) “**UBCKNN**” được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
  3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

## **ĐIỀU 2: TÊN CÔNG TY**

1. Tên công ty bằng tiếng Việt:  
“CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG”
2. Tên công ty bằng tiếng Anh:  
“THANGLONG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY”
3. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: THANGLONG CAPITAL
4. Tên viết tắt của công ty: TLC
5. Việc thay đổi tên Công ty do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định và phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## **ĐIỀU 3: HÌNH THỨC SỞ HỮU VÀ PHẠM VI TRÁCH NHIỆM**

1. Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định pháp luật có liên quan và các quy định tại Điều lệ này.
2. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng, độc lập về tài chính.

## **ĐIỀU 4: ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

1. Trụ sở đăng ký của công ty:
  - Địa chỉ: L14 - 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tôn Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - Điện thoại: .....
  - Fax: .....
2. Căn cứ tình hình hoạt động thực tế, công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện; thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện. Việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện; thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trụ sở chi nhánh hoặc văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các quy định pháp luật.

## **ĐIỀU 5: MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH**

1. Mục tiêu hoạt động  
Công ty được thành lập để không ngừng tìm kiếm các cơ hội đầu tư, kinh doanh chứng khoán nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông của công ty, lập quỹ, huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động và kinh doanh các loại sản phẩm theo chức năng và ngành nghề theo Giấy phép thành lập và hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho các nhà đầu tư và Công ty, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước và không ngừng phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh đã ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, bao gồm các hoạt động cung cấp các dịch vụ sau:

- Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Huy động và quản lý các quỹ đầu tư nước ngoài có mục tiêu đầu tư vào Việt Nam;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật;

**ĐIỀU 6: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG**

Thời hạn hoạt động của công ty là không có thời hạn, bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ khi bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**ĐIỀU 7: NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty, có quyền và nghĩa vụ được quy định trong bản Điều lệ này.
2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của Công ty:
  - Ông Nguyễn Hồ Nam                      Giới tính: Nam
  - Sinh ngày: 01-01-1978                      Quốc tịch: Việt Nam
  - Số CMND: 024933000                      Cấp ngày 12/12/2010                      Tại : TP. Hồ Chí Minh
  - Địa chỉ: 45/311Q, Quang Trung, P12, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

**CHƯƠNG II**

**VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG**

**ĐIỀU 8: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ ĐIỀU CHỈNH TĂNG GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ**

1. Vốn điều lệ của công ty là **37.000.000.000** đồng (bằng chữ: Ba mươi bảy tỉ đồng VN) do cổ đông công ty đóng góp bằng tiền.
  - Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Tổng số Vốn điều lệ của công ty được chia thành **3.700.000** (bằng chữ: Ba triệu bảy trăm nghìn) cổ phần với mệnh giá là **10.000** đồng/cổ phần (bằng chữ: Mười ngàn đồng một cổ phần).
2. Vốn điều lệ của công ty có thể tăng hoặc giảm tùy theo nhu cầu kinh doanh, đầu tư và quy mô hoạt động của công ty phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
3. Công ty có thể tăng, giảm Vốn điều lệ sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Công ty phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước và sau khi thực hiện việc tăng, giảm vốn điều lệ và đảm bảo việc tăng, giảm vốn điều lệ của công ty đáp ứng được các quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 9: CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY**

Cổ phần của công ty chỉ bao gồm cổ phần phổ thông, gồm:



Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập: **37.000.000.000** đồng VN (bằng chữ: Ba mươi bảy tỉ đồng) chiếm 100% Vốn điều lệ, tương ứng với **3.700.000** cổ phần. Mỗi cổ phần phổ thông tạo cho cổ đông sở hữu có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

#### **ĐIỀU 10: CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
  - b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
  - c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỉ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
  - d) Cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược;
  - e) Các trường hợp khác và mức chiết khấu khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
  - a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức đảm bảo đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên hệ mà Cổ đông đăng ký chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần. Thông báo phải được đăng báo trong ba (03) số liên tiếp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
  - b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỉ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành.
  - c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phiếu của mình cho người khác.
  - d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 2 Điều 16 Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
4. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 16 Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.
5. Chuyển nhượng cổ phần
  - a. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 17 và Khoản 3 Điều 20 Điều lệ này. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển



nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cũ bị huỷ bỏ và công ty phát hành giấy chứng nhận cổ phần mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

b. Các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần sau đây trong Công ty phải được UBCK NN chấp thuận:

- Giao dịch chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ

- Giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 70% vốn điều lệ của Công ty quản lý quỹ.

Các bên tham gia giao dịch theo quy định tại mục b Khoản 5 Điều này phải thông qua Công ty nộp hồ sơ đề nghị UBCK NN chấp thuận giao dịch, thủ tục theo quy định của Pháp luật.

Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc sau khi hoàn tất giao dịch quy định tại mục b Khoản 5 Điều này, Công ty thông báo cho UBCK NN kết quả giao dịch, tỷ lệ sở hữu sau giao dịch.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

## **ĐIỀU 11: MUA LẠI CỔ PHẦN**

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

a) Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều lệ này với giá thị trường hoặc giá được Hội đồng quản trị xác định trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội cổ đông quyết định.

b) Hội đồng quản trị quyết định mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c) khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỉ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức đảm bảo đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.



Cổ đông đồng ý bán cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

#### **ĐIỀU 12: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI**

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và vẫn phải đảm bảo vốn chủ sở hữu của Công ty không thấp hơn vốn pháp định.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại để giảm Vốn điều lệ phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu cổ phiếu gây ra đối với công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

#### **ĐIỀU 13: THỪA KẾ CỔ PHẦN**

1. Thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và pháp luật có liên quan.
2. Trong trường hợp cổ đông là cá nhân chết, công ty sẽ ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của người thừa kế theo quy định của pháp luật mà không phải giải phóng nghĩa vụ tài sản của người chết đối với các tài sản liên quan đến cổ phần của người đó. Trong trường hợp có nhiều người thừa kế, những người này sẽ chỉ định một người làm đại diện quyền sở hữu có xác nhận của công chứng. Công ty sẽ không giải quyết bất kỳ tranh chấp nào giữa những người thừa kế theo pháp luật/di chúc. Cổ phần được thừa kế có thể được phân bổ cho những người thừa kế theo văn bản yêu cầu của tất cả họ có xác nhận của công chứng với điều kiện là những người thừa kế này phải trả phí đối với việc phân bổ cổ phần theo yêu quy định của công ty.
3. Trong trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, hoặc giải thể, tổ chức hoặc pháp nhân mới sẽ thừa kế các quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ và phải nộp các tài liệu chỉ định đại diện mới cho Hội đồng quản trị.
4. Thừa kế theo pháp luật/ di chúc phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông mới, được quyền hưởng các lợi ích và chịu trách nhiệm đối với tất cả các nghĩa vụ của cổ đông mà người đó thừa kế.
5. Trong trường hợp cổ đông chết mà không có người thừa kế, cổ phần của cổ đông này sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.
6. Người thừa kế quyền sở hữu cổ phần không đương nhiên thừa kế quyền với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị hoặc các chức danh quản lý khác.

#### **ĐIỀU 14: PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:



- a) Không thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;
  - b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.  
Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a) và điểm b) khoản này.
3. Ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi, Hội đồng quản trị có quyền quyết định thời điểm phát hành, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu không vượt quá 50% tổng giá trị tài sản được ghi nhận tại báo cáo tài chính tháng gần nhất của công ty, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
  4. Trường hợp công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

### **ĐIỀU 15:      CỐ PHIẾU**

1. Cổ phiếu là các chứng chỉ do công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu của công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty;
  - b) Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá các cổ phần ghi trên mỗi cổ phiếu;
  - e) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;
  - f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
  - g) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phần;
  - h) Dấu của Công ty và chữ ký của Đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.
3. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười (10) triệu đồng Việt Nam, trước khi đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
  - a) Cổ phiếu đã thực sự bị mất, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức có thể và nếu tìm được sẽ đem lại trả lại công ty để tiêu hủy;
  - b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
4. Trường hợp cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì hoạt động đăng ký cổ phiếu sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **ĐIỀU 16:      SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG**



1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty;
  - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
  - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

#### **ĐIỀU 17: CỐ ĐÔNG**

1. Cổ đông của Công ty là pháp nhân hay cá nhân, sở hữu ít nhất một (01) cổ phần đã phát hành của Công ty.
2. Cổ đông sáng lập Công ty là các cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.
3. Cổ đông sáng lập cam kết góp **37.000.000.000** đồng (bằng chữ: Ba mươi bảy tỉ đồng) chiếm 100% vốn điều lệ, tương ứng với **3.700.000** cổ phần phổ thông.
4. Quyền chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập:  
Cổ đông sáng lập của công ty không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn ba (03) năm, kể từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty.
5. Cơ cấu vốn góp của các cổ đông:
  1. Công ty cổ phần đầu tư tài chính Thăng Long (TLI) .  
Địa chỉ: P.112, tầng 11, tòa nhà Viglacera, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội.  
Giấy ĐKKD lần đầu số: 0103017008 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2007; nay sửa đổi ĐKKD số 0102234744 (đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 11/8/2016) do sở KH&ĐT Hà nội cấp  
Tỉ lệ góp vốn: 21.000.000.000 đồng VN (bằng chữ: Hai mươi một tỉ đồng) chiếm 56.76% Vốn Điều lệ, tương ứng với 2.100.000 cổ phần.
  2. Công ty TNHH Chứng khoán Meritz (MERITZ) .  
Địa chỉ: Yeongdeungpo-gu, Seoul, Hàn Quốc  
Giấy phép ĐKKD số 110111-0141301 do Văn phòng quản lý thông tin đăng ký trung ương, vụ hành chính cấp ngày 24 tháng 2 năm 1973, sửa đổi ngày 3/1/1995  
Tỉ lệ góp vốn: 6,000,000,000 đồng VN (bằng chữ: Sáu tỉ đồng), chiếm 16.22% Vốn Điều lệ, tương ứng với 600,000 cổ phần.
  3. Ông Trần Thế Sơn  
Địa chỉ: Lâm Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình  
Chứng minh nhân dân số: 113616301 Cấp ngày 06/07/2011 Tại: tỉnh Hòa Bình  
Tỉ lệ góp vốn: 7.000.000.000 đồng VN (Bằng chữ: Bảy tỷ đồng), chiếm 18.92% Vốn Điều lệ, tương ứng với 700,000 cổ phần
  4. Ông Nguyễn Hồ Nam  
Địa chỉ: 45/311Q, Quang Trung, P12, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh  
Chứng minh nhân dân: 024933000 Cấp ngày 12/12/2010 Tại : TP. Hồ Chí Minh



Chứng minh nhân dân: 024933000      Cấp ngày 12/12/2010      Tại : TP. Hồ Chí Minh  
Ti lệ góp vốn: 3.000.000.000 đồng VN (Bằng chữ: Ba tỷ đồng), chiếm 8.10% Vốn Điều  
lệ, tương ứng với 300,000 cổ phần

6. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài:

a. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định pháp luật được mua để sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) đến một trăm phần trăm (100%) vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ.

b. Cá nhân, tổ chức nước ngoài không đáp ứng quy định tại điểm a khoản này chỉ được sở hữu dưới năm mươi một phần trăm (51%) vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ.

## **ĐIỀU 18: QUYỀN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỉ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông; việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo quy định tại Điều 10;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông, có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;
- h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:

- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và ban kiểm soát (nếu có);
- b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;
- d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký



kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a) Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
  - a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
  - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

#### **ĐIỀU 19: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG**

1. Thanh toán đầy đủ số cổ phần cam kết mua khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.  
Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại.
2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.
3. Cung cấp thông tin chính xác về cổ đông và sự thay đổi của các thông tin đó cho công ty ngay sau khi có sự thay đổi.
4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

#### **ĐIỀU 20: TRẢ CỔ TỨC**

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.  
Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.



Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ phần mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
4. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 10 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tang vốn Điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

#### **ĐIỀU 21: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Khoản 1 Điều 12 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 20 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

### **CHƯƠNG III** **CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**

#### **ĐIỀU 22: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY**

1. Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, bao gồm:
  - a) Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Hội đồng quản trị;
  - c) Tổng Giám đốc;
  - d) Ban kiểm soát;
  - e) Bộ phận kiểm soát nội bộ.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

#### **ĐIỀU 23: TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm



2. Tổng Giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (5) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

#### **ĐIỀU 24: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
4. Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
6. Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
7. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
8. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
9. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
10. Quyết định lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc
11. Tuyển dụng lao động;
12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, và quyết định của Hội đồng quản trị.
13. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

#### **ĐIỀU 25: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp
2. Đáp ứng được các điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **ĐIỀU 26: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương và thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau:
  - a. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định tại cuộc họp thường niên.
  - b. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh



ng nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

**ĐIỀU 27: KIỂM SOÁT NỘI BỘ**

1. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức của công ty. Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban điều hành và ban hành các quy định về kiểm soát nội bộ bao gồm chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy định nội bộ khác. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm:
  - a. Giám sát bảo đảm hoạt động của từng vị trí, từng bộ phận và của cả công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, chính sách, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của mọi nhân viên trong công ty đối với các hoạt động đã được giao, phân cấp, ủy quyền theo nguyên tắc:
  - Cơ chế phân cấp, ủy quyền phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch, bảo đảm tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong công ty. Quy trình nghiệp vụ phải đảm bảo được tách biệt được giữa các chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí, bộ phận trong công ty, từ hoạt động phân tích, thẩm định, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc quyết định thực hiện, tổ chức thực hiện, báo cáo và giám sát sau khi đầu tư;
  - Một cá nhân không được đảm nhiệm nhiều vị trí mà có thể thực hiện các hoạt động, nghiệp vụ có mục đích, lợi ích mâu thuẫn với nhau hoặc chồng chéo. Nhân sự được bố trí, bảo đảm một người không thể độc lập, tự mình ra quyết định và thực hiện từ hai hoạt động trở lên trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ, từ phân tích, đầu tư, thẩm định, phê duyệt đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện giao dịch và đầu tư, báo cáo kết quả giao dịch, thực hiện việc quản lý giám sát đầu tư sau giao dịch mà không cần tham vấn các bộ phận, cá nhân khác;
  - b. Tham gia xây dựng, giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, quy chế, quy trình, quy định nội bộ của công ty nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích; giám sát việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; tổng hợp, lưu trữ, thống kê và giám sát hoạt động kinh doanh của công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty;
  - c. Tham gia xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro cho hoạt động của công ty và cho từng khách hàng ủy thác; kịp thời nhận diện, đánh giá mức độ rủi ro, thiết lập hạn mức đầu tư và có biện pháp ngăn ngừa, quản lý các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động đầu tư của công ty và của khách hàng ủy thác;
  - d. Giám sát bảo đảm giá trị tài sản ròng của danh mục, chứng chỉ quản lý quỹ được đánh giá phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ; tài sản và các nguồn lực của công ty được quản lý an toàn, hiệu quả; tài sản của khách hàng được quản lý tách biệt, độc lập; báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, báo cáo về các chỉ tiêu an toàn tài chính và các báo cáo khác của công ty được lập trung thực, chính xác, kịp thời, cập nhật đầy đủ theo quy định của pháp luật.
  - e. Giám sát bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và quản lý trung thực, đầy đủ, kịp thời và chính xác; có hệ thống thông tin dự phòng để kịp thời xử lý những tình huống như thiên tai, cháy nổ... bảo đảm duy trì hoạt động liên tục của công ty;
  - f. Đề xuất phương án giải quyết, xử lý tranh chấp, xung đột lợi ích, khiếu kiện từ khách hàng, đối tác; các phương án dự phòng khắc phục hậu quả khi sự cố xảy ra;
  - g. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong trường hợp công ty quản lý không phải thành lập kiểm toán nội bộ theo quy định của Thông tư 212/2012/TT-BTC.
2. Cơ cấu nhân sự tại bộ phận kiểm soát nội bộ phải đáp ứng điều kiện:
  - a. Có tối thiểu một nhân viên đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 9 Thông tư 212/2012/TT-BTC; hoặc có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán hoặc kiểm toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán hoặc kiểm toán ít nhất là một (1) năm;
  - b. Có tối thiểu một nhân viên có chuyên môn, nghiệp vụ về luật từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về luật ít nhất là một (1) năm;



- c. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải đáp ứng các quy định và điều kiện tại Thông tư 212/2012/TT-BTC.
- 3. Nhân viên kiểm soát nội bộ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
  - a. Đáp ứng quy định tại điểm a,b,c khoản 5 Điều 9 Thông tư 212/2012/TT-BTC;
  - b. Có kinh nghiệm làm việc tối thiểu hai (2) năm tại các bộ phận nghiệp vụ chuyên môn của các tổ chức kinh doanh chứng khoán, hoặc tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp bảo hiểm, hoặc tại các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán nhà nước;
  - c. Không phải là người có liên quan của thành viên ban điều hành và không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận nghiệp vụ liên quan trực tiếp tới hoạt động kinh doanh chứng khoán được cấp phép
- 4. Trong thời hạn bảy (7) ngày, kể từ ngày thay đổi nhân viên kiểm soát nội bộ, công ty phải gửi thông báo cho UBCKNN, kèm theo quyết định của Tổng giám đốc, danh sách và hồ sơ cá nhân, lý lịch tư pháp, bảo đảm nhân viên và cơ cấu bộ phận kiểm soát nội bộ đáp ứng quy định của pháp luật.
- 5. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty phải lập báo cáo kiểm soát nội bộ và gửi UBCKNN. Báo cáo phải chỉ rõ các rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động của công ty, hoạt động quản lý tài sản của khách hàng ủy thác và các hoạt động kiểm tra, giám sát ở từng đơn vị, từng bộ phận, từng hoạt động nghiệp vụ được cấp phép.

## **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **ĐIỀU 28:      QUY ĐỊNH CHUNG**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

### **ĐIỀU 29:      QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi;
  - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do công ty quản lý);
  - f) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
  - g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty;
  - h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - i) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - j) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
  - k) Thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
  - l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của công ty;

2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông;
  - b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;
  - c) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
  - d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
  - e) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
  - f) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông;

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến UBCKNN trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

**ĐIỀU 30: THẨM QUYỀN VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một (01) lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông đồng thời tổ chức ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi có chủ tọa tham dự họp.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, UBCKNN có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.  
Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
  - a) Báo cáo tài chính hàng năm;
  - b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;
  - c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, hoặc Tổng Giám đốc;
  - d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;
  - e) Báo cáo liên quan đến quản lý công ty của Ban Tổng giám đốc.
  - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty;
  - b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất là sáu (6) tháng;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e) Khi cần quyết định chủ trương xử lý các vấn đề bất thường tron hoạt động kinh doanh của công ty; các vấn đề liên quan tới tranh chấp, tố tụng hoặc các vấn đề khẩn cấp khác
  - f) Khi tình hình tài chính của công ty lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật áp dụng cho công ty quản lý quỹ;
  - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định của công ty.



4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm b) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c) và Điểm d) Khoản 3 Điều này.  
Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.  
Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.  
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị UBCKNN giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.
8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Khoản 4, 5, 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

### **ĐIỀU 31: TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.
2. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.
3. Kèm theo thông báo mời họp phải có :
  - mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
  - chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
  - phiếu biểu quyết.
 Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty nếu có, đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
4. Các cổ đông được phép kiểm tra, trích lục và sao chép danh sách của các cổ đông tham dự; yêu cầu chỉnh sửa bất kỳ thông tin không chính xác nào hoặc cung cấp những thông tin cần thiết về cổ đông đó trong danh sách các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **ĐIỀU 32: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (5) ngày trước ngày gửi giấy mời họp.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại; số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao lưu danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

**ĐIỀU 33: QUYỀN DỰ HỌP VÀ QUYỀN ỦY QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có quyền trực dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền bằng văn bản cho đại diện của mình tham dự. Đại diện theo ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của công ty. Người được ủy quyền có quyền có quyền thực hiện các quyền trong phạm vi ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đại diện theo ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải thành lập văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
  - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.  
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp
  - b. ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
  - c. tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác
  - d. gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau:
  - a) Người được ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực, hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.
5. Quy định tại Khoản 2 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

**ĐIỀU 34: THAY ĐỔI CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 1 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau:
  - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 1 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **ĐIỀU 35:      ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản hai điều này thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

### **ĐIỀU 36:      THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây;

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi đảm bảo việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;
2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c) Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 3 người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.



3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển các cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp ;
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến ngay sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực này của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền;
  - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
  - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
  - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp ;
  - b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp lệ.  
Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

### **ĐIỀU 37: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cuộc họp Đại hội đồng phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Chủ tọa và thư ký;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp;
  - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h) Các quyết định đã được thông qua;
  - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký;
 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.



3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.  
Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.  
Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### **ĐIỀU 38: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
  - a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - b) Thông qua định hướng phát triển công ty;
  - c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
  - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - g) Tổ chức lại, giải thể công ty.
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
  - a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
  - b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
  - c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng cổ phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu cá nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Trường hợp công ty có trang điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.



**ĐIỀU 39: THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết cho lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 32. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân, tên, địa chỉ, số Chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
  - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.  
Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì được dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau khi thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không giữ chức vụ quản lý công ty.  
Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
  - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e) Các quyết định đã được thông qua;
  - f) Họ, tên, chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại chịu phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.



6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **ĐIỀU 40: HUY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của điều lệ công ty và pháp luật;
  - b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc điều lệ công ty.
- Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc yêu cầu tòa án hoặc trọng tài huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điều này, thì các quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **ĐIỀU 41: THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Hội đồng quản trị có không ít hơn ba (03) thành viên, không quá 11 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị .
4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý kinh doanh của công ty.

#### **ĐIỀU 42: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
  - b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan tới công ty;
  - c) Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;



- d) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông. Nội dung báo cáo tuân theo quy định của pháp luật;
  - e) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ công ty;
  - f) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; Thủ tục, trình tự triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty. Đảm bảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty và các điều chỉnh sửa đổi (nếu có);
  - h) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - i) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - j) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
  - k) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của điều lệ này;
  - l) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của luật doanh nghiệp hoặc điều lệ công ty;
  - m) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 51 điều lệ này;
  - n) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do điều lệ công ty quy định; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
  - o) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
  - p) Quyết định cơ cấu tổ chức quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - r) Đề xuất công ty kiểm toán phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua;
  - s) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
  - t) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - u) Quyết định việc tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng, thủ tục tạm ứng và việc thanh toán tạm ứng cổ tức;
  - v) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
  - w) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và quyết định đó phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ



phần của công ty liên tục trong thời hạn ít một năm (01) có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

#### **ĐIỀU 43: CHỨC VỤ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trừ khi pháp luật không cho phép, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

#### **ĐIỀU 44: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi nhân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc cá nhân đại diện phần vốn góp của công ty/tổ chức sở hữu ít nhất 10% số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác.
4. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị công ty:
  - a. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hay mất hành vi năng lực dân sự; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án trong hoặc ngoài nước; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên, trong hoặc ngoài nước;
  - b. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, bị kết án các tội danh về lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm mà chưa được xóa án tích, trong hoặc ngoài nước;
  - c. Là các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
  - d. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, tổng giám đốc (giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
  - e. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;



- f. Người đã bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (giám đốc) của một tổ chức tín dụng, công ty, doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến tổ chức đó bị thu hồi giấy phép;
  - g. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
  - h. Là thành viên Hội đồng quản trị, chủ tịch, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc của một công ty quản lý quỹ khác;
  - i. Là thành viên Hội đồng quản trị, chủ tịch, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc, cán bộ, nhân viên tại ngân hàng giám sát của một quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý.
5. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị không đủ tư cách cho vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;
  - b. Thành viên từ chức
  - c. Thành viên mất năng lực dân sự và năng lực pháp luật, hoặc bị chết.
  - d. Thành viên không tham gia Cuộc họp Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục mà không có lý do chính đáng và không được phép của Hội đồng quản trị.
  - e. Thành viên bị thay thế theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  - f. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của công ty quản lý quỹ khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân.
  - g. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của tổ chức là cổ đông, thành viên góp vốn.
  - h. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
6. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, bị cách chức, bị miễn nhiệm, bị bãi nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này trong thời hạn nhiệm kỳ thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm tạm thời người khác làm thành viên Hội đồng quản trị. Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp này phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

**ĐIỀU 45: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 44 Điều lệ này;
  - b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Có đơn xin từ chức;
2. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Điều lệ công ty gửi UBCKNN trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này. Hội đồng quản trị có thể tạm thời bổ nhiệm người khác đáp ứng quy định tại Điều 44 Điều lệ này để thay thế. Thành viên thay thế phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất theo quy định của pháp luật.



4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ xung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

#### **ĐIỀU 46: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu chủ tịch và ra quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản hoặc thư điện tử.
3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
  - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
 Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.





Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước khi chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.
- Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

#### **ĐIỀU 47: BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - Mục đích, chương trình và nội dung họp
  - Thời gian, địa điểm họp ;
  - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp, họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - Các quyết định đã được thông qua;
  - Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp hội đồng quản trị.
- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

#### **ĐIỀU 48: HUỖY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.**



Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục thông qua quyết định không thực hiện đúng theo quy định của điều lệ công ty và pháp luật;
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

#### **ĐIỀU 49: CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN**

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ đối với công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm :
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày (07) làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc kê khai quy định tại khoản 2 điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

#### **ĐIỀU 50: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:
  - a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;
  - c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần góp vốn, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.
  - e) Thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.
  - f) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.



2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của công ty .
4. Công ty phải báo cáo UBCKNN, trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày có thay đổi thông tin về họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của những người sau đây:
  - a. Thành viên Hội đồng quản trị
  - b. Thành viên Ban kiểm soát
  - c. Tổng giám đốc

**ĐIỀU 51:      HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
  - a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
  - c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 của Luật doanh nghiệp
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện công ty phải gửi thông báo đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi theo bản dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười ngày (10), kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi theo bản dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

**BAN KIỂM SOÁT**

**ĐIỀU 52:      THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.



3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **ĐIỀU 53: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 6 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ (nếu có), quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất là sáu (06) tháng.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất là sáu (06) tháng, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.  
Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
8. Thường xuyên thông báo cho Hội đồng quản trị về kết quả kinh doanh, tư vấn cho Hội đồng quản trị trước khi nộp các báo cáo, kết luận và các đề xuất lên Đại hội đồng cổ đông.
9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 50 Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
10. Có quyền kiểm tra hệ thống quản lý vào bất kỳ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết, chịu trách nhiệm thu thập thông tin cần thiết liên quan đến các sự kiện tài chính có thể ảnh hưởng đến tài sản của công ty nộp cho Đại hội đồng cổ đông nhưng không cản trở việc quản lý và điều hành công ty.
11. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi cần thiết.
12. Chịu trách nhiệm về tính trung thực của các dữ liệu được báo cáo cũng như bảo mật của công ty. Ban kiểm soát không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào của công ty được quy định là thông tin mật trong quy chế của công ty.
13. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
14. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
15. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
16. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.



17. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

#### **ĐIỀU 54: THÀNH VIÊN, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

##### **A. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên ban kiểm soát**

1. Thành viên ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em, ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
3. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

##### **B. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của công ty.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại.  
Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty .
6. Trường hợp phát hiện các thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người vi phạm kết thúc hành vi vi phạm đó và có giải pháp khắc phục hậu quả.

##### **C. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây :
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
  - b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Có đơn xin từ chức;
  - d) Các trường hợp khác do công ty quy định.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và Bầu ban kiểm soát mới thay thế.

##### **D. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:**

1. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số các thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.



2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;
3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát;
4. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của công ty.

Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Ban kiểm soát có thể chỉ định một thành viên Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Trưởng ban.

**ĐIỀU 55:      **QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT****

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác, có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc trong giờ làm việc.
5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của ban kiểm soát.

**ĐIỀU 56:      **THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:****

Trong trường hợp công ty không có quy định thì thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông quyết định;
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế và thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thành lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

**CHƯƠNG IV**  
**TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**ĐIỀU 57:      **CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ****

1. Công ty được thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán sau đây :
  - a) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán ;



- b) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
  - c) Huy động và quản lý các quỹ đầu tư nước ngoài có mục tiêu đầu tư vào Việt Nam;
  - d) Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty phải tuân thủ mọi quy định hiện hành của Luật chứng khoán và pháp luật khác có liên quan đến các nghiệp vụ kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này.
  3. Thực hiện quản lý tài sản ủy thác theo quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác.
  4. Công ty là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.
  5. Khi quản lý tài sản ủy thác, công ty phải:
    - a. Ký hợp đồng lưu ký hoặc giám sát với ngân hàng lưu ký đối với quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, danh mục đầu tư ủy thác; ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát; Trường hợp đầu tư tiền gửi cho khách hàng ủy thác, công ty chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được khách hàng ủy thác phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, để các tổ chức này định kỳ đối soát với ngân hàng nhận tiền gửi; Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho khách hàng ủy thác; công ty quản lý quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
    - b. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý tài khoản của khách hàng ủy thác tại công ty đảm bảo nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác, tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính công ty; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của khách hàng ủy thác và nơi lưu ký, lưu giữ giao dịch và sở hữu tài sản của khách hàng ủy thác và nơi lưu ký, lưu giữ tài sản ủy thác đó.
    - c. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên đảm bảo có sự thống nhất về dữ liệu tài sản ủy thác trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm lưu ký chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ tính chính xác về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác.
    - d. Thực hiện việc đầu tư tài sản ủy thác theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;
  6. Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và được áp dụng một cách thống nhất. Trường hợp công ty mua và bán cùng một loại tài sản cùng một thời điểm cho nhiều khách hàng ủy thác và cho bản thân công ty, việc phân bổ tài sản giao dịch được thực hiện theo trật tự ưu tiên sau:
    - a. Ưu tiên phân bổ giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác. Việc phân bổ giao dịch giữa các khách hàng ủy thác phải công bằng, theo đúng quy trình phân bổ tài sản áp dụng thống nhất của công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng, bảo đảm phù hợp với mục tiêu



- đầu tư, mức chấp nhận rủi ro hoặc các tiêu chí khác theo quy định nội bộ của công ty và đã thông báo cho khách hàng ủy thác. Trường hợp tài sản được mua hoặc bán tại các mức giá khác nhau, công ty quản lý quỹ phải sử dụng mức giá bình quân gia quyền để phân bổ tài sản;
- b. Việc phân bổ tài sản cho bản thân công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác;
  - c. Việc phân bổ tài sản được thông báo cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.
7. Trong hoạt động quản trị quỹ, công ty có trách nhiệm bảo đảm:
    - a. Thực hiện việc xác định giá tài sản ròng của danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;
    - b. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán.
  8. Công ty có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về khách hàng ủy thác, thông tin về giao dịch tài sản ủy thác, thông tin về nơi lưu ký tài sản ủy thác, các thông tin liên quan khác và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký theo yêu cầu bằng văn bản của các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với khách hàng ủy thác theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một (01) lần, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng ủy thác với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký.
  9. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư thì công ty quản lý quỹ phải hủy bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho khách hàng ủy thác. Công ty phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất nếu có. Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán khách hàng ủy thác.
  10. Công ty phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và khách hàng ủy thác. Công ty phải xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Quy định về việc tuân thủ bộ đạo đức nghề nghiệp của công ty là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa công ty và người lao động.
  11. Công ty phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động của công ty, loại hình quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và đối tượng khách hàng mà công ty mình quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động của công ty, rủi ro tiềm ẩn trong các quy trình nghiệp vụ, hệ thống của công ty, rủi ro tiềm ẩn trong danh mục của từng khách hàng ủy thác. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản và yêu cầu của khách hàng ủy thác, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.
  12. Công ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho khách hàng ủy thác do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư.
  13. Công ty phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho khách hàng ủy thác trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.
  14. Công ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện



- khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
15. Cty bảo đảm việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
  16. Việc sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản ở nước ngoài phải tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, công ty phải được đại hội nhà đầu tư, đại hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
  17. Khi thực giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, công ty phải bảo đảm:
    - a. Đối với các tổ chức là quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:
      - khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó; và
      - khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó
    - b. Đối với khách hàng ủy thác khác, công ty phải tuân thủ quy định tại điểm a Khoản này, trừ trường hợp công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của công ty với công ty chứng khoán liên quan và khách hàng ủy thác có văn bản chấp thuận cho phép không cần áp dụng quy định nêu trên.
  18. Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư chứng khoán của khách hàng và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
  19. Công ty phải bảo đảm:
    - a. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin với tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty
    - b. Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác, bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định kiểm soát nội bộ.
  20. Trong hoạt động kinh doanh, Công ty bảo đảm:
    - a. Vốn kinh doanh dành cho hoạt động đầu tư tài chính phải là nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức;
    - b. Không được cho vay, giao vốn của công ty cho người có liên quan và tổ chức, cá nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu được phát hành theo quy định của pháp luật;
    - c. Hợp đồng kinh tế giao dịch (nếu có) giữa công ty với cổ đông, thành viên góp vốn từ 35% vốn Điều lệ trở lên, thành viên Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ; người có liên quan của những đối tượng nêu trên; chỉ được thực hiện sau khi có số cổ đông, thành viên góp vốn đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý hoặc được chủ sở hữu đồng ý bằng văn bản;
    - d. Sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp, kể cả vốn vay, để đầu tư vào bất động sản với mục đích sử dụng làm trụ sở làm việc. Trường hợp không sử dụng hết trụ sở, công ty có thể cho thuê lại;



- g. Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN về các hạng mục đầu tư này.
- h. Không được góp vốn thành lập, mua cổ phần hoặc phần vốn góp tại Công ty quản lý quỹ khác, công ty chứng khoán tại Việt Nam, ngoại trừ các trường hợp sau:
- Hoạt động hợp nhất, sáp nhập hoặc;
  - Mua để sở hữu hoặc cùng với người có liên quan sở hữu không quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán
21. Khi quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, công ty phải đảm bảo:
- a. Chịu sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, các quy định tạo Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý quỹ đầu tư;
  - b. Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình và thực hiện việc quản trị rủi ro cho phù hợp với chính sách đầu tư và loại tài sản đầu tư và báo cáo Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về công tác quản trị rủi ro;
  - c. Chỉ đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư hàng ngày cả công ty đầu tư chứng khoán mà không cần có quyết định của Hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán, Đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;
  - d. Thực hiện các chính sách đầu tư, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, thực hiện các giao dịch tài sản trong phạm vi hạn mức đầu tư, loại hình tài sản được phép đầu tư, khối lượng giao dịch và đối tượng giao dịch (nếu có) đã được quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư.
  - g. Kiến nghị phương án chi trả cổ tức, phương án điều chỉnh tăng giảm vốn điều lệ, phương án tái cấu trúc công ty đầu tư chứng khoán;
  - h. Ký các hợp đồng nhân danh công ty đầu tư chứng khoán theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;
  - i. Thực hiện quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán.
22. Trong hoạt động báo cáo sở hữu, công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, công ty có trách nhiệm:
- a. công ty cùng với các khách hàng ủy thác tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng với người có liên quan, người biết thông tin nội bộ;
  - b. Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin phát sinh từ thời điểm:
    - Số cổ phiếu do công ty (nếu có) và các khách hàng ủy thác (nếu có) sở hữu, kể cả trên trường hợp quản lý trên tài khoản khách hàng, tài sản đứng tên khách hàng ủy thác, đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành, hoặc;
    - Công ty quản lý quỹ (nếu có) là người biết thông tin nội bộ theo quy định của pháp luật chứng khoán;
  - c. Nội dung báo cáo sở hữu, công bố thông tin, phương thức công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
  - d. Thực hiện các nghĩa vụ khác về báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng ủy thác có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.



23. Hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ và nhân viên, đảm bảo đội ngũ nhân viên và cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kiến thức về pháp luật được cập nhật và phù hợp với nhiệm vụ công tác. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty cần được gửi kèm trong báo cáo tình hình hoạt động hàng năm gửi cho ủy ban chứng khoán Nhà nước.

**ĐIỀU 58: HẠN CHẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NHÂN VIÊN LÀM VIỆC TẠI CÔNG TY**

1. Công ty không được huy động và quản lý quỹ thành viên có từ ba mươi một (31) thành viên góp vốn trở lên.
2. Công ty phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ đại chúng quy định tại Điều 92 Luật chứng khoán, pháp luật Chứng khoán nói riêng và pháp luật khác có liên quan nói chung.
3. Công ty không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với Ngân hàng giám sát, Ngân hàng lưu ký của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý. Thành viên hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc người hành nghề quản lý quỹ của Công ty quản lý Quỹ không được đồng thời làm cho Ngân hàng giám sát, Ngân hàng lưu ký của quỹ, của Công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý và ngược lại.
4. Người có liên quan của Công ty, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty quản lý quỹ chỉ được mua, bán các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà Công ty đang quản lý thông qua hệ thống giao dịch theo phương pháp khớp lệnh tập trung tại sở giao dịch Chứng khoán, trung tâm giao dịch chứng khoán và khi Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán cho phép.
5. Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán quy định tại Khoản 3 Điều này, người có liên quan của Công ty, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty không được là đối tác trong các giao dịch khác với quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà Công ty đang quản lý.
6. Công ty, người có liên quan của Công ty, người hành nghề quản lý quỹ không được là đối tác mua hoặc bán trong giao dịch tài sản đầu tư trong danh mục của nhà đầu tư uỷ thác Công ty đang quản lý, trừ trường hợp giao dịch này được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc đã được quy định cụ thể trong hợp đồng quản lý đầu tư và đã được nhà đầu tư uỷ thác chấp thuận cho phép thực hiện trước bằng văn bản.
7. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của Công ty phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch và phải được quản lý tập trung tại Công ty dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nêu trên bao gồm: Loại chứng khoán, giá chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch, tổng giá trị giao dịch, phải được lưu trữ trong vòng mười lăm (15) năm và cung cấp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.
8. Khi Công ty giao dịch các tài sản của Quỹ, của Công ty đầu tư chứng khoán, tài sản uỷ thác thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý Quỹ và mọi nhân viên của Công ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc giao dịch từ việc thực hiện các giao dịch tài sản quỹ, tài sản Công ty chứng khoán hoặc giao dịch tài sản uỷ thác do một tổ chức thứ 3 cung cấp ngoại trừ các khoản phí, thường đã được nêu rõ trong Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán hoặc trong hợp đồng quản lý đầu tư. Quy định này áp dụng đối với tất cả các loại hình quỹ thành viên, quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán.
9. Trong hoạt động quản lý tài sản uỷ thác, công ty bảo đảm:



- a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào chính quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó ;
  - b) Không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do mình quản lý, hoặc ngược lại. Quy định này không áp dụng trong trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
  - c) Không sử dụng tài sản của Quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán Đại chúng để đầu tư vào chính công ty; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ;  
Công ty có thể sử dụng vốn của quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, tài sản của nhà đầu tư ủy thác trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, hợp đồng quản lý đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép công ty quản lý quỹ thực hiện việc đầu tư này với mức phí quản lý phù hợp;
  - d) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác;  
Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tiên tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật; hoặc khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên.;
  - j) Không cam kết đảm bảo kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty ; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hay toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác này để làm tăng lợi nhuận cho một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách hợp lý, không có lý do chính đáng.
10. Trừ trường hợp là kết quả sáp nhập, hợp nhất của các tổ chức phát hành, công ty chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên 25% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
- a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
  - b) Công ty thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
11. Công ty chỉ được quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và quản lý quỹ đại chúng khi đáp ứng được các điều kiện sau:
- a) Có tối thiểu hai (02) người hành nghề quản lý quỹ đã có kinh nghiệm quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và thực hiện quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư có hiệu quả trong thời gian ít nhất hai (02) năm;
  - b) Người hành nghề quản lý quỹ theo quy định tại Điểm a) khoản này không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán trong quá trình thực hiện quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư.
12. Công ty không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.



## **ĐIỀU 59: NGHUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

1. Mọi tranh chấp giữa các cổ đông, giữa công ty với nhà đầu tư ủy thác trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải.
2. Trường hợp các bên tranh chấp không thể tự thỏa thuận được với nhau sẽ được đưa ra tòa án hoặc một tổ chức có thẩm quyền xét xử. Quyết định của tòa án hay của tổ chức đó là quyết định cuối cùng mà các bên tranh chấp phải tuân theo.

## **CHƯƠNG V** **TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ** **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY**

### **ĐIỀU 60: NĂM TÀI CHÍNH**

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;
2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.

### **ĐIỀU 61: KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, THUẾ**

1. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê và thực hiện các nhiệm vụ về thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý, phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập được ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông và Đại hội nhà đầu tư/ Đại hội thành viên quỹ đầu tư chứng khoán hoặc đại hội đồng cổ đông công ty Đầu tư chứng khoán xem xét và thông qua.
3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính năm có kiểm toán của công ty phải được gửi lên UBCKNN và cơ quan quản lý thuế.
4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thiết lập hệ thống tài chính kế toán phù hợp với quy định pháp luật .

### **ĐIỀU 62: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH**

1. Lợi nhuận sau thuế của công ty cuối năm tài chính được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy luật của pháp luật hiện hành. Tỷ lệ trích lập các quỹ không được quy định bởi pháp luật hiện hành sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách cổ đông được chia lợi nhuận và thời điểm phân phối lợi nhuận.
4. Khi kinh doanh thua lỗ, công ty được chuyển lỗ sang năm tiếp theo để được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian chuyển lỗ không vượt quá thời gian tối đa cho phép được chuyển lỗ theo quy định pháp luật.

### **ĐIỀU 63: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**



1. Công ty có nghĩa vụ thực hiện chế độ công bố thông tin và báo cáo về hoạt động của công ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Công ty phải đảm bảo có đủ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính, chi nhánh và tại các văn phòng đại diện, văn phòng các đại lý phân phối của mình cũng như tại trang thông tin điện tử (website) của công ty để nhà đầu tư tham khảo:
  - a) Điều lệ công ty
  - b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
  - c) Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên soát xét, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên soát xét, Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán và được Đại hội đồng cổ đông thông qua
3. Công ty phải thông báo cho UBCKNN chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi thông tin về họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân người nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh, số cổ phần và loại cổ phần, họ, tên, quốc tịch, hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức người nước ngoài.

#### **ĐIỀU 64. TRÌNH BÁO CÁO HÀNG NĂM**

3. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
  - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
  - b. Báo cáo tài chính; Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
  - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty
2. Công ty lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính công ty và trong thời hạn lưu giữ theo quy định pháp luật.

### **CHƯƠNG VI** **GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY**

#### **ĐIỀU 65: GIẢI THỂ CÔNG TY**

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
    - a) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn hoạt động.
    - b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty;
    - c) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
    - d) Công ty bị sát nhập hoặc hợp nhất với công ty quản lý Quỹ khác.
    - e) Công ty không có số cổ đông tối thiểu theo quy định của luật doanh nghiệp trong thời hạn sau (06) tháng liên tục.
  2. Trình tự giải thể công ty;
- Việc giải thể công ty được thực hiện theo quy định sau :
- a) Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể công ty và thành lập ban thanh lý. Quyết định phải có các nội dung sau:
    - Tên và địa chỉ trụ sở chính công ty;
    - Lý do giải thể;
    - Thời hạn, thủ tục thanh lý các hợp đồng và thanh toán nợ của công ty
    - Phương án xử lý và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
    - Tên họ và chữ ký của đại diện theo pháp luật công ty



- b) Ban thanh lý gửi UBCKNN hồ sơ đề nghị về việc giải thể theo quy định pháp luật.
- c) Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày được UBCKNN chấp thuận giải thể, công ty phải:
  - Thông báo quyết định giải thể tới các chủ nợ, người lao động, khách hàng và những người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan, kèm theo phương án xử lý, giải quyết các nghĩa vụ nợ, tài sản với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Thông báo quyết định giải thể phải có các nội dung theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và các địa điểm kinh doanh của công ty;
  - Công bố việc giải thể theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- d) Công ty tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng kinh tế còn hiệu lực theo quy định tại khoản 10 Điều 21 Thông tư 212/2012/TT-BTC; thanh lý và phân chia tài sản cho cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp. Thời hạn xử các hợp đồng kinh tế còn hiệu lực không được vượt quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được UBCKNN chấp thuận giải thể. Thời gian thanh lý tài sản thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nhưng không quá mười hai (12) tháng.
- e) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của công ty, thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho các cổ đông, thành viên góp vốn, ban thanh lý tài sản phải thông báo đến Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước kết quả giải thể.
- f) Trong trường Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, công ty phải giải thể ngay khi bị thu hồi giấy phép.
- g) Kể từ khi được UBCKNN chấp thuận giải thể, Hội đồng quản trị không được thực hiện các hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp, đồng thời trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
- h) Trình tự giải thể công ty được thực hiện theo đúng trình tự của quy định pháp luật

**ĐIỀU 66: PHÁ SẢN CÔNG TY**

Việc phá sản công ty được tiến hành theo các quy định của pháp luật .

**ĐIỀU 67: TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY**

Việc chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG VII**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**ĐIỀU 68: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ**

Điều lệ này có hiệu lực kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua

**ĐIỀU 69: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

Các vấn đề liên quan đến các hoạt động của công ty nhưng không được đề cập trong Điều lệ này sẽ được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật liên quan hiện hành.

Trong trường hợp có các điều khoản nào của Điều lệ này được thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật, điều khoản này sẽ không được thực hiện và sẽ được sửa đổi trong cuộc họp gầ nhất của Đại hội đồng cổ đông.

Các sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo UBCKNN. Cách thức họp và thông qua các nội dung sửa đổi theo quy định của Điều lệ này.



**ĐIỀU 70: ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ VÀ CHỮ KÝ**

Bản Điều lệ này gồm 07 chương, 70 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thăng Long nhất trí thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019 và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó một (01) bản đăng ký tại Ủy ban chứng khoán nhà nước, ba (03) bản được lưu trữ tại văn phòng Công ty.

VOI SỰ CHỨNG KIẾN, các cổ đông của công ty đã nhất trí và ký thông qua toàn văn bản Điều lệ vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu của điều lệ này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2019

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



*Nguyễn Hồ Nam*